

QUY ĐỊNH

Quản lý cán bộ, công chức

xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số 60/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về Quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thuộc các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã.
- Cán bộ, công chức cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nguyên tắc Quản lý

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng; đẩy mạnh việc phân cấp, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ Quản lý nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Việc sử dụng, đánh giá, quản lý cán bộ, công chức cấp xã phải dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực thi hành công vụ.

4. Trong công tác quản lý kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức cấp xã để phân công bố trí phù hợp, tăng cường thực hiện việc kiêm nhiệm các chức danh, giảm số lượng cán bộ lãnh đạo, tăng số lượng công chức chuyên môn thừa hành.

Điều 4. Nội dung quản lý

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các quy định, chính sách liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã.

2. Quy định về thẩm quyền quản lý, số lượng, sử dụng, bổ nhiệm, điều động, tiếp nhận, phân công, xếp lương, nâng lương, kỷ luật, thôi đảm nhiệm chức vụ, thôi việc, nghỉ hưu, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã và các chế độ, chính sách khác.

3. Thanh tra, kiểm tra đối với các cơ quan, tổ chức và đối với cán bộ, công chức cấp xã trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức cấp xã.

4. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo thống kê và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã.

5. Các công tác khác liên quan đến quản lý cán bộ, công chức cấp xã.

Chương II **QUY ĐỊNH VỀ BỐ TRÍ SỐ LƯỢNG** **CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 5. Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính. Cụ thể như sau:

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I được bố trí tối đa 23 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 12 người);

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II được bố trí tối đa 21 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 11 người, công chức không quá 10 người);

c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III được bố trí tối đa 19 cán bộ, công chức (trong đó cán bộ không quá 10 người, công chức không quá 09 người).

2. Chức danh Trưởng Công an cấp xã nơi đã tổ chức lực lượng Công an chính quy không tính trong số lượng chức danh cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này đúng theo điểm a, khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Điều 6. Bố trí số lượng cán bộ cấp xã

1. Đối với những đơn vị hành chính thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, bố trí 01 Phó Bí thư thường trực Đảng ủy là Trưởng khối vận (nơi có điều kiện bố trí kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc) và 01 Phó Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đảm bảo giảm được số lượng cán bộ, công chức cấp xã. Các trường hợp cán bộ cấp xã kiêm nhiệm chức danh, mà không giảm được ít nhất 01 người trong số lượng được bố trí tối đa, thì không được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

2. Đối với những đơn vị hành chính không thực hiện mô hình Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, bố trí theo cơ cấu Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Bí thư Đảng ủy là Chủ tịch Hội đồng nhân dân (không bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu hoạt động chuyên trách).

3. Đối với chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: đơn vị hành chính cấp xã loại I, loại II được bố trí tối đa 02 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp xã loại III được bố trí 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo quy định tại khoản 12, Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Điều 7. Bố trí số lượng công chức cấp xã

1. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại I

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): bố trí không quá 03 công chức.

c) Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Tư pháp - hộ tịch: bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Văn hóa - xã hội: bố trí không quá 02 công chức.

e) Chức danh Tài chính - kế toán: bố trí không quá 02 công chức.

2. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại II

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): bố trí không quá 02 công chức.

c) Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Tư pháp - hộ tịch: bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Văn hóa - xã hội: bố trí không quá 02 công chức.

e) Chức danh Tài chính - kế toán: bố trí 01 công chức.

3. Tại đơn vị hành chính cấp xã loại III

a) Chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: bố trí 01 công chức.

b) Chức danh Văn phòng - thống kê (bao gồm công chức chuyên trách công tác Nội vụ): bố trí không quá 02 công chức.

c) Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): bố trí không quá 02 công chức.

d) Chức danh Văn hóa - xã hội: bố trí không quá 02 công chức.

đ) Chức danh Tư pháp - hộ tịch: bố trí 01 công chức.

e) Chức danh Tài chính - kế toán: bố trí 01 công chức.

4. Đối với đơn vị hành chính ở đô thị không có hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp và không tổ chức Hội Nông dân hoặc tại các đơn vị hành chính theo yêu cầu tiêu chuẩn và công tác tổ chức cán bộ không thể bố trí, để khuyết một trong các chức vụ cán bộ chuyên trách, thì căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ của các chức danh công chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể quyết định việc bố trí tăng thêm số lượng chức danh công chức cấp xã, nhưng đảm bảo không vượt quá số lượng theo quy định.

Chương III

TIÊU CHUẨN VÀ VIỆC XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 8. Tiêu chuẩn đối với cán bộ cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung của nhân sự khi được chỉ định hoặc giới thiệu bầu giữ chức vụ cán bộ lãnh đạo cấp xã phải đảm bảo về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ bằng hoặc cao hơn chức danh công chức chuyên môn cấp xã

(riêng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã thực hiện theo Điều lệ và quy định pháp luật về Cựu chiến binh Việt Nam). Cụ thể:

a) Đối với Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi được giới thiệu bầu giữ chức vụ lần đầu phải đảm bảo là cán bộ, công chức cấp xã hoặc là cán bộ, công chức, viên chức nếu được điều động, chuyển công tác từ nơi khác đến. Riêng đối với chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân, khi được giới thiệu bầu vào đầu nhiệm kỳ phải là đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

b) Đối với Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã, Chủ tịch Hội Nông dân cấp xã khi được giới thiệu bầu giữ chức vụ lần đầu phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương; đồng thời phải đảm bảo là cán bộ, công chức cấp xã hoặc có thời gian tham gia công tác giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách từ đủ 03 năm trở lên (bao gồm thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, tham gia lực lượng dân quân tự vệ, công an xã, thanh niên tình nguyện, nếu thời gian không liên tục được tính cộng nối vào thời gian công tác).

c) Trong trường hợp đặc biệt do yêu cầu công tác cán bộ nếu nhân sự chưa đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn trên, thì cấp có thẩm quyền Quản lý cán bộ xem xét, quyết định và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không thực hiện việc xếp lương, giải quyết chi trả chế độ chính sách đối với các chức danh cán bộ chưa đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn về văn bằng chuyên môn cụ thể đối với các chức danh công chức cấp xã thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân dân tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã.

2. Riêng đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Về xử lý kỷ luật cán bộ cấp xã

1. Cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử thì có thẩm quyền xử lý kỷ luật cán bộ. Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp

xã thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội. Trường hợp cán bộ cấp xã là đảng viên thì cấp ủy quản lý đảng viên xem xét, xử lý kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và các văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Cán bộ cấp xã đã có kết luận về hành vi vi phạm pháp luật của cấp ủy tổ chức Đảng theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, ngoài hình thức kỷ luật về Đảng, còn bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật hành chính, như sau:

- a) Khiển trách.
- b) Cảnh cáo.
- c) Cách chức.
- d) Bãi nhiệm.

3. Sau khi có kết luận xử lý kỷ luật về Đảng, cơ quan Quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp huyện) ban hành quyết định xử lý kỷ luật về hành chính đối với cán bộ cấp xã (không phân biệt chức vụ được phân công) đảm bảo nguyên tắc hình thức kỷ luật Đảng không thay thế hình thức kỷ luật hành chính và hình thức kỷ luật hành chính phải đảm bảo ở mức độ tương xứng với kỷ luật Đảng.

4. Trường hợp cán bộ cấp xã chưa có kết luận hoặc quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền thì trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 112/2020/NĐ-CP).

5. Đối với cán bộ cấp xã đã chuyển công tác mới phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật mà còn trong thời hiệu quy định thì cơ quan quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức cấp xã trước đây (Ủy ban nhân dân cấp huyện) tiến hành xử lý kỷ luật về hành chính đối với cán bộ cấp xã và gửi hồ sơ, quyết định kỷ luật về cơ quan, đơn vị hiện đang quản lý cán bộ này.

Điều 11. Về xử lý kỷ luật công chức cấp xã

1. Việc xử lý kỷ luật công chức cấp xã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

2. Riêng đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã ngoài xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức còn thực hiện theo quy định pháp luật về dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn chuyên ngành.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định số lượng cụ thể cán bộ, công chức cấp xã theo quy định; hướng dẫn việc kiêm nhiệm một số chức danh, chức vụ để bảo đảm các lĩnh vực công tác ở cấp xã đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm.
2. Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã.
3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển dụng, lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã.
4. Hàng năm, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.
5. Ban hành Quy định quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã.
6. Chỉ đạo việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 12 của Quy định này.
2. Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.
3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra: việc xây dựng và quản lý hồ sơ; việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá, quản lý; việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ công chức cấp xã.
2. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ, Quy định quản lý cán bộ, công chức cấp xã, Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.
3. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

5. Thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã; khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã.

a) Quyết định tiếp nhận và phân công công chức cấp xã từ nơi khác chuyển đến khi nhận được quyết định điều động công chức cấp xã của Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi chuyển đi (giữa hai đơn vị hành chính trong cùng một tỉnh hoặc từ tỉnh khác chuyển đến).

b) Quyết định tiếp nhận các trường hợp đặc biệt vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

c) Quyết định tiếp nhận công chức khối đảng, đoàn thể, viên chức sự nghiệp để thực hiện quy trình giới thiệu bầu giữ các chức vụ cán bộ cấp xã, hoặc phân công giữ các chức danh công chức cấp xã (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý).

3. Quyết định bổ nhiệm công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện sau khi đã thực hiện quy trình tuyển dụng công chức.

4. Quyết định phân công, điều động đối với công chức cấp xã trong các trường hợp:

a) Quyết định phân công công chức cấp xã đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ của chức danh khi có sự thay đổi vị trí công tác trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

b) Quyết định điều động khi có sự thay đổi vị trí công tác từ xã, phường, thị trấn này sang làm việc tại xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện.

c) Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định điều động, bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

d) Quyết định điều động công chức cấp xã khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức theo phân cấp tại nơi chuyển đến (giữa hai đơn vị hành chính trong cùng một tỉnh và kể cả trường hợp chuyển ngoài tỉnh).

5. Quyết định về chế độ chính sách cán bộ, công chức cấp xã

a) Quyết định xếp lương, chuyển xếp lương cho cán bộ, công chức cấp xã trên cơ sở phù hợp với chức vụ, chức danh, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung cho cán bộ, công chức cấp xã.

c) Quyết định cho công chức cấp xã nghỉ hưu hoặc thôi việc và thông báo cho cán bộ cấp xã nghỉ hưu hoặc thôi việc (sau khi có văn bản cho thôi đảm nhiệm chức vụ của cơ quan có thẩm quyền) để hưởng chế độ, chính sách.

6. Các công tác khác có liên quan đến việc quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo quy định pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ, công chức cấp xã; nhận xét, đánh giá hàng năm đối với cán bộ, công chức cấp xã theo hướng dẫn.

2. Khảo sát nhu cầu, đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thực hiện chế độ, chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, tạo nguồn đối với cán bộ, công chức cấp xã.

4. Đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp huyện khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

7. Lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã.

8. Các công tác khác có liên quan đến việc sử dụng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Nội vụ chủ trì cùng với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm triển khai, đôn đốc thực hiện Quy định này, đồng thời thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về các nội dung Quản lý cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Quy định này được bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ thôi việc theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định khác liên quan đến cán bộ, công chức cấp xã không quy định trong quyết định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trong trường hợp có hướng dẫn thay đổi điều chỉnh các nội dung liên quan đến công tác quản lý cán bộ, công chức cấp xã thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan có liên quan phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn giải quyết./.